CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÂN NGHĨA

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÂN NGHĨA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAN NGHIA TRADE INVESTMENT DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NHAN NGHIA TID., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110447986

3. Ngày thành lập: 11/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21 Đường Tam Khương, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0964848607* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	*4329*
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc; - Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước; - Chống ẩm các toà nhà; - Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ); - Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối; - Uốn thép; - Xây gạch và đặt đá; - Lợp mái các công trình nhà để ở; - Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo; - Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp	*4390*
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4511*
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4513*
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*

9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	*4530*
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	*4541*
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	*4543*
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	*4610*
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm động vật, thực vật Nhà nước cấm)	*4620*
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
16.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
17.	Bán buôn đồ uống	*4633*
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	*4634*
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	*4649*
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (loại trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	*4659*
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	*4662*
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim; loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	*4669*
29.	Khai thác gỗ	*0220*
30.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	*8220*

31.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
32.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa theo quy định pháp luật	*8299*
34.	Đào tạo sơ cấp	*8531*
35.	Đào tạo trung cấp	*8532*
36.	Giáo dục thể thao và giải trí	*8551*
37.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	*8552*
38.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động tôn giáo, đảng, đoàn thể)	*8559*
39.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	*8560*
40.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	*9101*
41.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	*9311*
42.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp6	*9312*
43.	Hoạt động thể thao khác	*9319*
44.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	*9321*
45.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	*9329*
46.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
47.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
48.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
49.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
50.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	*9523*
51.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
52.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	*9529*
53.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*
54.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	*9639*
55.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	*9700*
56.	Lập trình máy vi tính	*6201*
57.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
58.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
59.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
60.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	*6312*

61.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; (loại trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v...)	*6399*
62.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán kiểm toán, thuế và chứng khoán)	*6619*
63.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm	*6622*
64.	Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội Chi tiết: dịch vụ phụ trợ bảo hiểm	*6629*
65.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán kiểm toán, thuế và chứng khoán)	*7020(Chính)*
66.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Thiết kế, giám sát, thi công hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình; - Đánh giá hồ sơ dự thầu; - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; - Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng; - Quản lý chất lượng xây dựng công trình; - Lập dự án đầu tư xây dựng; - Khảo sát xây dựng (Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất xây dựng; khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát hiện trạng công trình); - Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện; - Tư vấn thiết kế công trình nhà máy thủy điện; Tư vấn thiết kế công trình nhà máy điện gió, điện mặt trời; Tư vấn thiết kế công trình nhà máy nhiệt điện; tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp; tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện; tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện gió, điện mặt trời	*7110*

67.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	*7120*
68.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	*7211*
69.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	*7212*
70.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	*7213*
71.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	*7214*
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	*7221*
73.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	*7222*
74.	Quảng cáo (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	*7310*
75.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	*7320*
76.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
77.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập, tư vấn tài chính, chứng khoán)	*7420*
78.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập, tư vấn tài chính, chứng khoán)	*7490*
79.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
80.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
81.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
82.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
83.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
84.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
85.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
86.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	*4724*
87.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*
88.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
89.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
90.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*

91.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
92.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
93.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
94.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
95.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	*1709*
96.	In ấn (Theo quy định của pháp luật)	*1811*
97.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
98.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
99.	Sản xuất than cốc	*1910*
100.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	*1920*
101.	Sản xuất hoá chất cơ bản	*2011*
102.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	*2012*
103.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
104.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	*2021*
105.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	*2022*
106.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
107.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	*2029*
108.	Sản xuất sợi nhân tạo	*2030*
109.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	*2100*
110.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
111.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	*2219*
112.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	*2220*
113.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	*2310*
114.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	*2391*
115.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
116.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*
117.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
118.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	*2395*
119.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	*2396*
120.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	*2399*
121.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
122.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (loại trừ sản xuất vàng miếng)	*2420*

123.	Đúc sắt, thép	*2431*
124.	Đúc kim loại màu	*2432*
125.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
126.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	*2512*
127.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	*2513*
128.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
129.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
130.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
131.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (loại trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	*2599*
132.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
133.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
134.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
135.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
136.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	*2651*
137.	Sản xuất đồng hồ	*2652*
138.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	*2660*
139.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	*2670*
140.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	*2680*
141.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
142.	Sản xuất pin và ắc quy	*2720*
143.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
144.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
145.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
146.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	*2740*
147.	Sản xuất đồ điện dân dụng	*2750*
148.	Sản xuất thiết bị điện khác	*2790*
149.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	*2811*
150.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	*2812*
151.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	*2813*
152.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	*2814*
153.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	*2815*
154.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	*2816*
155.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	*2817*

156.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	*2818*
157.	Sản xuất máy thông dụng khác	*2819*
158.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	*2821*
159.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	*2822*
160.	Sản xuất máy luyện kim	*2823*
161.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	*2824*
162.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	*2825*
163.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	*2826*
164.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	*2829*
165.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	*2910*
166.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	*2920*
167.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	*2930*
168.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	*4774*
169.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
170.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	*4782*
171.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	*4783*
172.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	*4784*
173.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	*4785*
174.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá và loại trừ Bán lẻ vàng; bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí)	*4789*
175.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	*4791*
176.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	*4799*
177.	Vận tải hàng hóa đường sắt	*4912*
178.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	*4931*
179.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	*4932*
180.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	*4933*
181.	Vận tải đường ống	*4940*

182.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	*5012*
183.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
184.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	*5210*
185.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	*5221*
186.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hoạt động hoa tiêu)	*5222*
187.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
188.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	*5225*
189.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	*5229*
190.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
191.	Cơ sở lưu trú khác	*5590*
192.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	*5610*
193.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
194.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
195.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	*5630*
196.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	*5820*
197.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (không thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	*5911*
198.	Hoạt động hậu kỳ	*5912*
199.	Hoạt động chiếu phim	*5914*
200.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng ; - Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông; - Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	*6190*
201.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	*7721*
202.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	*7729*
203.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
204.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	*7740*

205.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	*7810*
206.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động	*7820*
207.	Đại lý du lịch	*7911*
208.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	*7912*
209.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
210.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	*8020*
211.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	*8110*
212.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
213.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
214.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
215.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	*8211*
216.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	*8219*
217.	Sản xuất mô tô, xe máy	*3091*
218.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	*3092*
219.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	*3099*
220.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
221.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	*3211*
222.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	*3212*
223.	Sản xuất nhạc cụ	*3220*
224.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	*3230*
225.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	*3240*
226.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
227.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
228.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
229.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
230.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	*3315*
231.	Sửa chữa thiết bị khác	*3319*
232.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
233.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	*3520*
234.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	*3530*
235.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*

236.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
237.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
238.	Thu gom rác thải độc hại	*3812*
239.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
240.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	*3822*
241.	Tái chế phế liệu	*3830*
242.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	*3900*
243.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
244.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
245.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
246.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
247.	Xây dựng công trình điện	*4221*
248.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
249.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
250.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn; - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	*4229*
251.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
252.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
253.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
254.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
255.	Phá dỡ	*4311*
256.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	*4312*
257.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
258.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
259.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
260.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	*4751*
261.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
262.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
263.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
264.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
265.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4762*

266.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
267.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	*4764*
268.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
269.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ bán lẻ thuốc)	*4772*
270.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ Vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	*4773*

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG THANH TÙNG	30 Phố Ga, Thị Trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	105.000	1.050.000.000	21,000	001083013337	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	105.000	1.050.000.000	21,000		

2	NGUYỄN THÀNH CHUNG	P1406 B4 TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	255.000	2.550.000.000	51,000	001077023049	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	255.000	2.550.000.000	51,000		
3	ĐẶNG VĂN BÁCH	30 Phố Ga, Thị Trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	140.000	1.400.000.000	28,000	033086000093	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	140.000	1.400.000.000	28,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: ĐẶNG VĂN BÁCH Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *28/09/1986* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033086000093*

Ngày cấp: *24/07/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *30 Phố Ga, Thị Trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *30 Phố Ga, Thị Trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội